



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 07 NGÀY 22/6/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	32
02	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	32
03	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	30
04	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	32
05	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	35

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0024418158	Trương Thị Thuý An	Nữ	Kinh	24/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	002	0024417825	Nguyễn Huỳnh Văn	Nữ	Kinh	16/6/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	003	0022410007	Trần Ngọc Ánh	Nữ	Kinh	07/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	004	0024417270	Nhị Lê Gia Bảo	Nữ	Kinh	07/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	005	0023413589	Nguyễn Thị Kim Cẩm	Nữ	Kinh	08/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	006	0023410483	Võ Mỹ Chi	Nữ	Kinh	19/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	007	0023412088	Trương Nguyên Chương	Nam	Kinh	10/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	008	0022412286	Nguyễn Thị Kim Cương	Nữ	Kinh	01/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	009	087303005215	Phan Ngọc Đạm	Nữ	Kinh	21/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	010	0024415454	Trần Hoài Linh Đan	Nữ	Kinh	28/9/2006	Bà Rịa - Vũng Tàu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	011	0022410211	Lâm Hải Đăng	Nam	Kinh	28/5/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	012	0024416957	Trần Trương Tiến Đạt	Nam	Kinh	18/9/2006	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	013	0022411952	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	Kinh	22/10/2003	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	014	0022310017	Trần Thị Hồng Điệp	Nữ	Kinh	19/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	015	0022411761	Hồ Thị Diệu	Nữ	Kinh	05/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	016	0024416457	Lê Thị Thuý Dương	Nữ	Kinh	28/02/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	017	0021412233	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	29/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	018	0022412634	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	26/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	019	0021411232	Lê Hữu Hoàng Duy	Nam	Kinh	31/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	020	0023411348	Nguyễn Khánh Duy	Nam	Kinh	14/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	021	0022410219	Nguyễn Thảo Duy	Nữ	Kinh	26/6/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	022	0024417026	Phan Ngọc Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	12/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	023	0022410777	Dương Thị Trường Giang	Nữ	Kinh	09/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	024	093305001202	Lê Thị Mộng Giao	Nữ	Kinh	01/9/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	025	0022410809	Nguyễn Thị Thu Giàu	Nữ	Kinh	13/01/2004	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	026	0023411125	Phạm Thanh Giàu	Nam	Kinh	24/02/2005	Tây Ninh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	027	0023410650	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	10/4/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	028	0024419091	Phan Sơn Ngọc Hà	Nữ	Khmer	08/12/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	029	0021410195	Phạm Chí Hải	Nam	Kinh	07/5/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	030	0020411101	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	19/10/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	031	0024416482	Nguyễn Thị Khả Hân	Nữ	Kinh	15/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
32	032	0023413135	Nguyễn Thị Kim Hân	Nữ	Kinh	18/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 32



PHÒNG THI SỐ: 02

ĐỊA ĐIỂM: P.202- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	033	6423320014	Đinh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	06/3/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	034	0021410238	Thái Văn	Hậu	Nam	Kinh	18/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	035	0023410731	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	Kinh	20/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	036	0021411309	Nguyễn Tấn	Hoà	Nam	Kinh	05/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	037	0023412557	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	Kinh	30/4/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	038	6423320003	Phan Thị Thu	Hương	Nữ	Kinh	26/3/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	039	0023413566	Lê Quốc	Huy	Nam	Kinh	12/7/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	040	0024419242	Nguyễn Tường	Huy	Nam	Kinh	02/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	041	0024416655	Nguyễn Lê An	Khang	Nam	Kinh	20/02/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	042	0024419588	Phan Duy	Khánh	Nam	Kinh	27/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	043	0021412509	Lê Hữu	Khoa	Nam	Kinh	20/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	044	0024418211	Đỗ Nhân	Kiệt	Nam	Kinh	16/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	045	0022411053	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	28/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	046	0023410154	Dương Thuý	Kiều	Nữ	Kinh	16/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	047	0022412472	Nguyễn Trường	Lam	Nam	Kinh	08/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	048	0024427303	Trương Thị Thu	Lan	Nữ	Kinh	19/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	049	0024417038	Lê Thị Yến	Linh	Nữ	Kinh	26/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	050	077302006684	Nguyễn Ái Nhi	Linh	Nữ	Kinh	07/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	051	0022310051	Trần Thị Thuý	Linh	Nữ	Kinh	28/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	052	0024417274	Bùi Ngọc Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	09/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	053	0022412459	Trần Anh	Mến	Nam	Kinh	25/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	054	0019410760	Trần Thị Diễm	Mi	Nữ	Kinh	20/6/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	055	0023411732	Nguyễn Bảo	Minh	Nam	Kinh	21/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	056	0023413011	Võ Nguyễn Trà	My	Nữ	Kinh	22/8/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	057	0022411082	Trần Hoài	Nam	Nam	Kinh	19/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	058	0022410283	Nguyễn Hậu Phương	Ngân	Nữ	Kinh	15/5/2001	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	059	0021412733	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	07/3/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	060	087305006945	Phạm Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	30/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	061	0024419693	Võ Huỳnh	Ngân	Nữ	Kinh	20/11/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	062	0024417331	Phạm Ngô Phương	Nghi	Nữ	Kinh	08/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	063	0022410423	Mai Hà Yến	Ngọc	Nữ	Kinh	29/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
32	064	0022411505	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	01/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 32

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	065	6423320022	Thái Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	31/12/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	066	0024418530	Nguyễn Ngọc Tâm	Nguyễn	Nữ	Kinh	03/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
3	067	0023411181	Phạm Thị Thu	Nguyễn	Nữ	Kinh	02/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
4	068	0022410590	Nguyễn Trần Mỹ	Nhân	Nữ	Kinh	26/11/2001	Long An	6h45'	08h00'	203- B4
5	069	0022411596	Đặng Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	05/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
6	070	0022411012	Đặng Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	03/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
7	071	0024418509	Kim Thị Yến	Nhi	Nữ	Khmer	30/3/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	203- B4
8	072	6423320005	Lê Thị Quyển	Nhi	Nữ	Kinh	14/02/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	203- B4
9	073	0024416989	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	Kinh	18/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
10	074	0020410575	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	02/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
11	075	0024418113	Nguyễn Ý	Nhi	Nữ	Kinh	19/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
12	076	0022410811	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	03/3/2000	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4
13	077	0024417513	Quan Hạo	Nhiên	Nam	Kinh	18/4/2006	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4
14	078	0022412207	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	31/12/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4
15	079	0024418453	Đinh Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	29/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
16	080	087303002437	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	18/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
17	081	0024417633	Lương Khải	Như	Nữ	Kinh	25/8/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4
18	082	0024415509	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	24/3/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4
19	083	0022410946	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	16/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
20	084	0022412518	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	14/3/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4
21	085	0022410398	Nguyễn Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	14/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
22	086	0023414060	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
23	087	0022412247	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	Kinh	25/01/2004	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4
24	088	0022411646	Huỳnh Thị Thúy	Phi	Nữ	Kinh	02/9/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4
25	089	0022411209	Nguyễn Thị Trúc	Phương	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
26	090	08732543109	Phạm Thị Lan	Phương	Nữ	Kinh	11/7/1989	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
27	091	0023411430	Trần Hồng	Quân	Nam	Kinh	25/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4
28	092	0024418051	Võ Việt	Quang	Nam	Kinh	10/02/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4
29	093	6423320026	Đỗ Tổ	Quyên	Nữ	Kinh	05/11/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	203- B4
30	094	0024417250	Đặng Ngọc Hương	Quỳnh	Nữ	Kinh	09/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi		
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	095	0022410005	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	09/10/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	096	0023414213	Ngô Thanh	Son	Nam	Kinh	05/10/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	097	0024417567	Võ Thị Ngọc	Sự	Nữ	Kinh	18/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	098	0022411532	Trần Gia	Tài	Nam	Kinh	18/01/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	099	0024418090	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	20/3/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	100	0022412418	Huỳnh Thanh	Thắng	Nam	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	101	0022411932	Hà Thu	Thảo	Nữ	Kinh	10/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	102	0022310023	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	20/6/2004	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	103	0022310031	Ngô Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	31/8/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	104	0022410501	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	22/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	105	0024416678	Trần Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	26/8/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	106	060203013544	Trần Phúc	Thọ	Nam	Kinh	01/5/2003	Bình Thuận	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	107	0024416761	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	09/8/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	108	0023412828	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	Nữ	Kinh	03/02/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	109	0023411185	Tạ Hoàng	Thông	Nam	Kinh	04/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	110	0021413247	Phan Thị Cẩm	Thu	Nữ	Kinh	08/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	111	0023412237	Hồ Anh	Thư	Nữ	Kinh	03/5/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	112	0024416733	Huỳnh Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	02/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	113	6423320006	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	Nữ	Kinh	24/7/2002	Hậu Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	114	0024417570	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	28/12/2006	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	115	0022412762	Phan Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	20/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	116	0023411920	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	Nữ	Kinh	18/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	117	0023410150	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	Kinh	12/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	118	0021413325	Nguyễn Dáng	Tiên	Nữ	Kinh	11/5/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	119	0020310056	Trương Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	21/7/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	120	087097014344	Võ Phước	Toàn	Nam	Kinh	01/01/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	121	0023413202	Huỳnh Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	04/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	122	0021411838	Ngô Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	15/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	123	0022411073	Nguyễn Hoàng Nguyệt	Trâm	Nữ	Kinh	30/11/2004	Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	124	0023412444	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	12/5/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	125	0022410009	Trương Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	02/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	126	0021413388	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	01/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 32

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	127	0021310059	Châu Thị Mỹ Trân	Nữ	Kinh	13/4/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	128	0024416419	Nguyễn Quế Trân	Nữ	Kinh	04/9/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	129	0021410951	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	29/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	130	0022411564	Trương Đức Trí	Nam	Kinh	11/3/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	131	0021410956	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	Kinh	12/8/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	132	0023410132	Hồ Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	Kinh	04/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	133	0024415464	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	Kinh	05/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	134	0023410983	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	Kinh	03/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	135	0023412911	Lê Thị Ngọc Tuyền	Nữ	Kinh	16/02/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	136	0024416684	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	Kinh	16/11/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	137	0022410405	Trần Huyền Tuyết	Nữ	Kinh	07/5/2004	Bình Dương	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	138	0024416249	Trần Thị Ngọc Tuyết	Nữ	Kinh	12/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	139	0021413546	Huỳnh Khánh Vân	Nữ	Kinh	30/11/2003	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	140	0023411925	Phạm Thị Thúy Vi	Nữ	Kinh	19/11/2005	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	141	0024418503	Thạch Triệu Vi	Nữ	Khmer	06/4/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	142	0024416341	Bùi Thị Phương Vy	Nữ	Kinh	30/11/2006	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	143	0022411865	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Nữ	Kinh	27/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	144	0022310014	Nguyễn Trần Thảo Vy	Nữ	Kinh	28/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	145	0021413686	Đặng Như Ý	Nữ	Kinh	22/10/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	146	0020411314	Lâm Thị Hồng Yến	Nữ	Kinh	04/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	147	0024416694	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	Kinh	02/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	148	0022310037	Nguyễn Thị Quế Châu	Nữ	Kinh	21/11/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	149	0021412275	Dương Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	13/6/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
24	150	087183001611	Nguyễn Kim Hằng	Nữ	Kinh	21/02/1983	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
25	151	0023413275	Nguyễn Hữu Mẫn	Nam	Kinh	05/01/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
26	152	0022412305	Bùi Văn Nhí	Nam	Kinh	01/01/2003	Cà Mau	6h45'		206- B4	
27	153	0022410429	Lê Thị Phi Nhung	Nữ	Kinh	24/6/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
28	154	0021410815	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nữ	Kinh	25/10/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
29	155	0022411522	Võ Trọng Tính	Nam	Kinh	03/01/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
30	156	0021413683	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Nữ	Kinh	09/10/2002	Vĩnh Long	6h45'		206- B4	
31	157	0021411867	Nguyễn Trần Minh Trí	Nam	Kinh	01/10/2003	Tiền Giang	6h45'		206- B4	
32	158	0023410092	Phạm Thị Mỹ Xuyên	Nữ	Kinh	01/10/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
33	159	0021411437	Huỳnh Ngọc Luân	Nam	Kinh	23/02/2003	Đồng Tháp		08h00'		206- B5
34	160	0021410752	Nguyễn Ngọc Sang	Nam	Kinh	01/02/2003	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
35	161	0022310045	Lê Trần Khánh Vy	Nữ	Kinh	23/01/2001	Đồng Tháp		08h00'		206- B4

Tổng số thí sinh: 35